

THÔNG TƯ***Hướng dẫn quản lý thu chi Ngân sách xã, thị xã, phường***

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ về phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài Chính.

Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý thu chi Ngân sách xã, thị trấn, phường như sau:

PHẦN I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Ngân sách xã, thị trấn (sau đây gọi tắt là ngân sách xã) và ngân sách phường là một bộ phận của Ngân sách Nhà nước do Ủy ban nhân dân xã, phường (dưới đây gọi chung là cấp xã) xây dựng, quản lý và Hội đồng nhân dân xã quyết định, giám sát thực hiện.

2. Ngân sách xã, phường được xây dựng bằng các nguồn thu được phân cấp và chi thực hiện các công việc thuộc chức năng nhiệm vụ của chính quyền cấp xã theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

3. Mọi khoản thu, chi ở xã, phường phải được phản ánh vào ngân sách xã, phường để Hội đồng nhân dân thảo luận, quyết định và kiểm tra thực hiện. Xã, phường không được tùy tiện đặt ra các chế độ thu, chi riêng hoặc giữ nguồn thu để lập quỹ ngoài ngân sách trái quy định của Nhà nước.

4. Ngân sách xã, phường được ổn định tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu và số bổ sung của ngân sách cấp trên từ 3 đến 5 năm; thời gian cụ thể của từng thời kỳ ổn định do Thủ tướng Chính phủ quy định khi giao dự toán ngân sách nhà nước năm đầu thời kỳ ổn định.

5. Cân đối ngân sách xã thường phải bảo đảm nguyên tắc chi không vượt quá nguồn thu, kể cả số bổ sung từ ngân sách cấp trên (nếu có). Cụ thể:

5.1. Đối với ngân sách xã:

- Nhiệm vụ chi thường xuyên cân đối với các nguồn thu được phân cấp (không kể các nguồn thu để chi cho một số mục tiêu cụ thể như thu do nhân dân đóng góp, thu lao động công ích, thu kết dư), nếu thiếu được ngân sách cấp trên bổ sung.

- Chi đầu tư phát triển cân đối chủ yếu từ nguồn thu nhân dân đóng góp, thu lao động công ích; ngoài ra được bổ sung một phần từ ngân sách theo sự phân cấp của tỉnh và từ kết dư ngân sách xã (nếu có).

5.2. Đối với ngân sách phường:

Các khoản thu được phân cấp để bảo đảm nhiệm vụ chi thường xuyên quy định, nếu thiếu được ngân sách cấp trên bổ sung, nếu thừa được bố trí chi bổ sung cho các hoạt động văn hóa - xã hội - phúc lợi của phường.

6. Xã, phường có nhiệm vụ quản lý các loại tài sản công của xã, phường, kể cả tài sản của Nhà nước, tài sản vắng chủ nằm trên địa bàn xã, phường chưa rõ cơ quan nào quản lý.

7. Tổ chức Ban Tài chính xã, phường:

- Ủy ban nhân dân cấp xã phải tổ chức Ban Tài chính để giúp ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng và thực hiện dự toán thu chi ngân sách, lập báo cáo ngân sách hàng tháng, quyết toán ngân sách năm, tổ chức quản lý tài sản và tài chính Nhà nước trên địa bàn theo quy định.

- Ban Tài chính gồm có:

+ Một Trưởng ban là ủy viên Ủy ban nhân dân phụ trách công tác tài chính.

+ Một phụ trách kế toán có trình độ chuyên môn nghiệp vụ (sơ cấp đối với miền núi hoặc trung cấp đối với các vùng khác) do Giám đốc Sở Tài chính

- Vật giá bổ nhiệm theo yêu cầu của ủy ban nhân dân cấp xã và đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, quận (dưới đây gọi chung là cấp huyện). Phụ trách kế toán có nhiệm vụ thường xuyên giúp Ủy ban nhân dân lãnh đạo tổ chức công tác tài chính ngân sách xã, phường.

+ Một thủ quỹ (hoặc có thể cán bộ văn phòng Ủy ban nhân dân kiêm nhiệm).

- Chế độ với cán bộ Ban Tài chính:

Trưởng Ban Tài chính được hưởng sinh hoạt phí theo Nghị định 50/CP ngày 26 tháng 07 năm 1995 của Chính phủ; phụ trách kế toán được hưởng sinh hoạt phí theo chức vụ đào tạo; cán bộ tài chính khác hưởng sinh hoạt phí theo hợp đồng lao động ở xã.

PHẦN II
NỘI DUNG THU, CHI CỦA NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG
I. NỘI DUNG THU, CHI NGÂN SÁCH XÃ.

a/Nguồn thu của ngân sách xã:

1.Các khoản thu một trăm phần trăm (100%):

- Thuế môn bài các hộ kinh doanh từ bậc 4 đến bậc 6 kể cả số thu khoán;
- Thuế sát sinh thu trên địa bàn;
- Các khoản phí, lệ phí quy định thu vào ngân sách xã;
- Các khoản thu từ hoạt động các sự nghiệp kinh tế, văn hoá - xã hội, sự nghiệpkinh tế khác;
- Các khoản đóng góp của tổ chức, cá nhân gồm: các khoản đóng góp theo quy địnhcủa pháp luật; đóng góp theo quyết định của Hội đồng nhân dân xã và đóng góp tựnguyện khác. Trường hợp các khoản huy động đóng góp để đầu tư xây dựng cơ sở hạtầng chưa xác định rõ, khi tiến hành sẽ lập dự toán riêng và phải phản ánh vào ngân sách trong quá trình thực hiện;
- Thu từ sử dụng quỹ đất công ích 5% và hoa lợi công sản khác do xã quản lý;
- Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức và cá nhân ở ngoài nước trực tiếp cho xã;
- Thu kết dư năm trước;
- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2.Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh, cáphuyện và cấp xã, thị trấn gồm 4 khoản:

- Thuế sử dụng đất nông nghiệp;
- Thuế chuyển quyền sử dụng đất;
- Thuế nhà, đất;
- Tiền sử dụng đất.

Tỷ lệ phân chia các khoản thu trên cho xã do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trựcthuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) quy định. Tuy theo tình hìnhthực tế ở mỗi địa phương có thể quy định tỷ lệ chung cho 4 khoản hoặc tỷ lệ riêng cho từng khoản có phân biệt theo vùng (miền núi, trung du, đồng bằng) chophù hợp.

3.Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên có 2 loại:

- Thu bổ sung để cân đối ngân sách: là khoản thu được xác định trên cơ sở giữa dựtoán chi được giao và các nguồn thu được phân cấp (các khoản thu 100% và cáckhoản thu phân chia theo tỷ lệ%), nếu thiếu được ngân sách cấp trên bổ sung. Sốthu này do Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định sau khi đã báo cáo Ủy bannhân dân tỉnh để đảm bảo cân đối chung và được giao ổn định từ 3 đến 5 năm.Hàng năm được tăng thêm một phần theo tỷ lệ trượt giá do Ủy ban nhân dân tỉnhquy định.
- Thu bổ sung theo các mục tiêu được giao từng năm (không giao ổn định) do Ủy bannhân dân huyện xem xét trên cơ sở xem xét đề nghị của xã và các mục tiêu củangân sách cấp trên.

b/Nhiệm vụ chi của ngân sách xã.

1.Chi thường xuyên về:

1.1.Công tác xã hội và hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục thể thao do xã, thị trấn quản lý:

- Trợ cấp hưu và trợ cấp thôi việc một lần cho cán bộ xã theo Quyết định 130/CP, Quyết định 111/HĐBT và Nghị định 50/CP của Chính phủ; chi thăm hỏi các gia đình chính sách; cứu tế xã hội và công tác xã hội khác;
- Hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao, truyền thanh do xã, thị trấn tổ chức.

1.2.Hỗ trợ các lớp bồi túc văn hoá, trợ cấp nhà trẻ, lớp mẫu giáo, kể cả trợ cấp chogiáo viên mẫu giáo và cô nuôi dạy trẻ.

1.3.Sự nghiệp y tế:

- Sinh hoạt phí và các khoản phụ cấp cán bộ y tế công tác tại trạm y tế thuộc xã quản lý. Đối với cán bộ xã không thuộc biên chế Nhà nước, nhưng nằm trong định biên, trước đây cấp nào ký hợp đồng quản lý, chi trả thì hiện nay vẫn giao cho cấp đó tiếp tục quản lý và chi trả.
- Mua sắm trang bị hoặc bổ sung đồ dùng chuyên môn phục vụ khám, chữa bệnh.
- Phòng bệnh và sự nghiệp y tế khác.

1.4.Quản lý, duy tu, bảo dưỡng các công trình phúc lợi, đường giao thông do xã, thị trấn quản lý như: bảo dưỡng sửa chữa trường học, trạm y tế, nhà trẻ, lớp mẫu giáo, nhà văn hoá, đài tưởng niệm; dặm vá sỏi đá sửa chữa các cầu, đường giao thông thuộc xã; riêng đối với thị trấn còn có sửa chữa vỉa hè, đường phố nội thị, đèn chiếu sáng, công viên, cây xanh...

1.5.Hoạt động của các cơ quan Nhà nước xã, thị trấn bao gồm:

-Sinh hoạt phí theo mức quy định hiện hành;

-Sinh hoạt phí cho đại biểu Hội đồng nhân dân xã;

-Các khoản phụ cấp theo quy định của Nhà nước;

-Phúc lợi tập thể, y tế, vệ sinh;

-Công tác phí;

-Chi về hoạt động văn phòng như: tiền nhà, điện, nước, thấp sáng, vật liệu văn phòng, bưu phí điện thoại, hội nghị, chi tiếp tân, khánh tiết;

-Chi mua sắm sửa chữa thường xuyên nhà cửa, phương tiện làm việc;

-Chi khác.

1.6.Các khoản phụ cấp và kinh phí hoạt động của cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam của xã, thị trấn sau khi đã trừ đi khoản thu đảng phí theo điều lệ và các khoản thu nộp khác (nếu có).

1.7.Các khoản phụ cấp và kinh phí hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam của xã, thị trấn sau khi trừ khoản thu đóng góp hội phí.

1.8.Công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội:

-Huấn luyện dân quân tự vệ do xã, thị trấn triệu tập;

-Các khoản phụ cấp huy động dân quân tự vệ theo quy định của Pháp lệnh về dân quân tự vệ;

-Đăng ký nghĩa vụ quân sự, đưa tiễn thanh niên đi nghĩa vụ quân sự;

-Chi bán định suất an ninh;

-Tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã;

-Các khoản chi khác.

1.9.Các khoản chi nhằm khuyến khích các sự nghiệp kinh tế như khuyến nông khuyến ngư, nuôi dưỡng phát triển nguồn thu ngân sách xã;

1.10.Các khoản chi khác theo quy định.

2.Chi đầu tư phát triển.

Chi đầu tư phát triển đối với ngân sách xã gồm: chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội theo sự phân cấp của cấp tỉnh từ nguồn vốn ngân sách và chi đầu tư từ nguồn huy động đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho từng dự án, mục tiêu nhất định.

II. NỘI DUNG THU, CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG.

a/Nguồn thu của ngân sách phường:

-Thuế sát sinh thu từ các hộ kinh doanh giết mổ gia súc trừ thuế sát sinh thu từ các doanh nghiệp giết mổ gia súc được nộp và ngân sách thị xã, thành phố.

-Các khoản phí, lệ phí;

-Các khoản đóng góp bằng tiền, ngày công lao động, hiện vật theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của địa phương;

-Các khoản đóng góp của các tổ chức cá nhân cho phường theo quyết định của Hội đồng nhân dân phường để xây dựng, tu bổ các cơ sở hạ tầng thuộc phường quản lý;

-Các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân;

-Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân nước ngoài cho phường bằng tiền hoặc hiện vật được quy thành tiền;

-Thu kết dư ngân sách phường năm trước;

-Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật như tiền cho thuê hoặc bán tài sản và các khoản thu sự nghiệp khác;

-Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên trong trường hợp các khoản thu được phân cấp của ngân sách phường không đảm bảo đủ các nhu cầu chi theo quy định của Nhà nước. Mức bổ sung cho ngân sách phường do Hội đồng nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quyết định sau khi báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và được giao ổn định từ 3 đến 5 năm, hàng năm được bổ sung thêm một phần theo tỷ lệ trượt giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

b/Nhiệm vụ chi của ngân sách phường.

Chi thường xuyên về:

1. Công tác xã hội và hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao, truyền thanh do phường quản lý:

- Trợ cấp hưu và trợ cấp thôi việc 1 lần cho cán bộ phường theo Quyết định số 130/CP, Quyết định số 111/HĐBT và Nghị định 50/CP; chi thăm hỏi các gia đình chính sách; cứu tế xã hội;

- Hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao, truyền thanh do phường tổ chức.

2. Hoạt động của cơ quan Nhà nước của phường:

- Sinh hoạt phí cán bộ phường;

- Sinh hoạt phí của đại biểu Hội đồng nhân dân phường;

- Các khoản phụ cấp theo chế độ quy định;

- Phúc lợi tập thể, y tế, vệ sinh;

- Công tác phí;

- Chi về hoạt động của văn phòng như tiền nhà, điện, nước, vật liệu văn phòng, bưu phí điện thoại, hội nghị, tiếp tân, khánh tiết;

- Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên nhà cửa, phương tiện làm việc;

- Chi khác.

3. Các khoản phụ cấp và kinh phí hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam của phường sau khi đã trừ tiền thu đảng phí và các khoản thu khác.

4. Các khoản phụ cấp kinh phí hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam của phường sau khi trừ thu đoàn phí, hội phí và các khoản thu khác.

5. Công tác dân quân tự vệ, trật tự, an toàn xã hội:

- Huấn luyện dân quân tự vệ do phường triệu tập;

- Phụ cấp huy động dân quân tự vệ theo quy định của Pháp lệnh dân quân tự vệ;

- Đăng ký khám tuyển nghĩa vụ quân sự, đưa tiễn thanh niên đi nghĩa vụ quân sự;

- Tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào quần chúng bảo vệ trị an, trật tự an toàn xã hội và các khoản chi khác.

6. Các khoản chi khác theo quy định.

III. ĐỊNH MỨC CHI TỔNG HỢP CHO XÃ.

Định mức chi ngân sách xã là mức chi tính cho đầu xã nhằm đảm bảo cho xã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Nhà nước. Mức chi này là mức tổng hợp được xác định trên cơ sở các chính sách, chế độ thống nhất của Nhà nước phù hợp với khả năng cân đối chung của ngân sách nhà nước và ngân sách từng địa phương, định mức là cơ sở để lập và phân bổ dự toán ngân sách ở xã.

Định mức gồm 2 phần:

Phần 1 - Phần cơ bản được xác định trên cơ sở chính sách, chế độ của Nhà nước đối với cán bộ xã như:

- Nghị định 50/CP ngày 26/07/1995 của Chính phủ quy định về chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ xã, thị trấn, phường.

- Quyết định 58/TTg ngày 03/02/1994 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số vấn đề về tổ chức và chế độ chính sách đối với y tế cơ sở. - Quyết định 394/TTg ngày 11/06/1996 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ sinh hoạt phí đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

- Quyết định 164/TCCP ngày 29/06/1995 của Ban Tổ chức Chính phủ về việc ban hành quy chế tạm thời về tổ chức ban ở các xã miền núi, vùng cao và chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của trưởng ban.

- Nghị định 35/CP ngày 14/06/1996 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh dân quân tự vệ.

- Các văn bản chế độ hiện hành khác....

Mức chi cơ bản bình quân:

- Tối thiểu: 85 triệu đồng

- Tối đa: 100 triệu đồng

Mức tính trên sẽ được điều chỉnh khi có chính sách chế độ bổ sung, sửa đổi.

Phần 2 - Phần chi đảm bảo cho hoạt động để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của xã. Mức chi này được xác định bằng một hệ số so với mức chi cơ bản trên.

Hệ số quy định từ 0,4 đến 1,5 lần so với mức chi cơ bản. Căn cứ vào khả năng ngân sách, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định cụ thể hệ số áp dụng cho các xã. Đối với các xã khai thác tốt nguồn thu, tỉnh có thể quyết định mức chi cao hơn quy định trên nhưng phần vượt được dùng để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

Riêngchi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng không tính định mức mà căn cứ vào nguồn thu huy động đóng góp và bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên, khả năng cân đối ngân sách để quyết định từng công trình, dự án cụ thể hàng năm.

Đối với phường, căn cứ vào định mức trên các tỉnh, thành phố vận dụng cụ thể cho phù hợp.

PHẦN III

LẬP, CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG

I. LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG.

1. Hàng năm trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài chính, của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã phải lập dự toán ngân sách năm sau để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

2. Yêu cầu đối với lập dự toán ngân sách xã, phường:

2.1. Phải tính đầy đủ và chính xác các khoản thu theo đúng quy định của Nhà nước, kể cả các khoản thu từ nguồn huy động đóng góp của nhân dân để kiến thiết xã, phường.

2.2. Bố trí hợp lý các nhu cầu chi tiêu nhằm đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cấp xã, đồng thời góp phần xây dựng nông thôn ngày càng phát triển.

2.3. Dự toán phải lập theo Mục lục ngân sách nhà nước và mẫu biểu quy định của Bộ Tài chính.

3. Căn cứ lập dự toán gồm:

3.1. Nhiệm vụ chi được phân cấp và những yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã, phường;

3.2. Các văn bản pháp luật về thu, các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cấp có thẩm quyền quy định;

3.3. Nguồn thu và khả năng thu theo những quy định về phân cấp quản lý ngân sách cho xã, phường (các khoản thu 100%, các khoản thu phân chia, số bổ sung của ngân sách cấp trên);

3.4. Số kiểm tra về dự toán ngân sách xã, phường do Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo;

3.5. Tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã, phường năm trước.

4. Trình tự lập dự toán ngân sách xã, phường:

4.1. Đánh giá tình hình thực hiện ngân sách năm trước:

Hàng năm, ngay từ đầu tháng 7, các xã phải căn cứ vào tình hình thực hiện ngân sách 6 tháng, ước thực hiện cả năm. Trên cơ sở đó phân tích tình hình, rút kinh nghiệm cho việc lập và tổ chức thực hiện ngân sách năm sau.

4.2. Xác định khả năng thu và yêu cầu chi năm kế hoạch:

4.2.1. Các ban hoặc tổ chức thuộc xã, phường căn cứ vào nhiệm vụ và chế độ chi quy định để lập dự trù nhu cầu chi; Ban Tài chính xã, phường phối hợp với đội thuế xã (nếu có) tính toán các khoản thu ngân sách nhà nước ở xã, phường.

4.2.2. Sau khi làm việc với các đơn vị trực thuộc về khả năng cân đối Ban Tài chính xã, phường lập dự toán thu, chi ngân sách. Dự toán ngân sách xã, phường được lập khoản chi dự phòng bằng 3% tổng số chi để đáp ứng những nhiệm vụ phát sinh đột xuất. Để đảm bảo dự toán ngân sách phù hợp với định hướng chung, trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét để trình Hội đồng nhân dân, Ban Tài chính cần làm việc và xin ý kiến Phòng Tài chính huyện.

4.3. Trình Ủy ban nhân dân cấp xã dự toán ngân sách năm sau để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

5. Thời hạn quyết định ngân sách năm:

5.1. Dự toán ngân sách xã, phường năm đầu thời kỳ ổn định do Hội đồng nhân dân cấp xã thảo luận, quyết định sau khi dự toán ngân sách cấp huyện đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện thông qua và Ủy ban nhân dân huyện đã có quyết định chính thức giao cho xã, phường dự toán ngân sách.

5.2. Dự toán các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định: Hội đồng nhân dân cấp xã thảo luận và quyết định trước ngày 15/8 năm trước.

5.3. Dự toán ngân sách xã, phường sau khi Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định, Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm gửi Ủy ban nhân dân huyện và Phòng Tài chính huyện để xem xét và tổng hợp. Thời hạn gửi chậm nhất 5 ngày sau khi có quyết định của Hội đồng nhân dân xã.

6. Điều chỉnh dự toán ngân sách xã hàng năm (nếu có).

Dự toán ngân sách xã được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- Có yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp trên để đảm bảo phù hợp với định hướng chung.

- Có biến động lớn về nguồn thu và nhiệm vụ chi, do thiên tai địch họa cần thiết phải có sự điều chỉnh nhiệm vụ thu chi ngân sách.

Khi phải điều chỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành lập dự toán điều chỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện. Dự toán điều chỉnh sau khi được duyệt là dự toán ngân sách chính thức của xã, phường trong năm kế hoạch.

7. Biểu mẫu lập dự toán ngân sách xã, phường gồm có: